

BIẾN ĐỔI MỘT SỐ THÀNH TỐ VĂN HÓA CỦA NGƯỜI TÀY VÀ NGƯỜI THÁI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY⁽¹⁾

VI VĂN AN^(*)

NGUYỄN MAI HƯƠNG^(**)

Tóm tắt: Tày và Thái là hai dân tộc có số lượng dân số đông, thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái ở Việt Nam. Người Tày được xem là chủ thể của vùng Đông Bắc/Việt Bắc với nhiều đặc trưng văn hóa nổi trội. Tương tự, người Thái cũng được xem là chủ thể của vùng Tây Bắc và Tây Thanh - Nghệ, nhiều giá trị văn hóa của người Thái đã có ảnh hưởng đối với các dân tộc thiểu số trong vùng. Trong lịch sử phát triển của mình, đặc biệt là từ khi Đổi mới đất nước đến nay, người Tày và người Thái đóng vai trò hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội hai vùng Đông Bắc và Tây Bắc. Trên cơ sở nghiên cứu các đặc trưng văn hóa, bài viết này hướng tới làm rõ thực trạng biến đổi một số thành tố văn hóa của hai dân tộc Tày - Thái trong cộng đồng nhóm ngôn ngữ Tày - Thái ở nước ta trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Biến đổi văn hóa vật chất; sinh kế; nhà ở; trang phục; dân tộc Tày; dân tộc Thái.

Abstract: Tay and Thai are two big ethnic groups in Vietnam. They are both classified under the Tay-Thai language group. Ethnic Tay is the key ethnic minority group in the northeast of Vietnam with unique culture. Similarly, ethnic Thai is the key ethnic group in the northwest of Vietnam and the west of Thanh Hoa-Nghe Anarea. Many cultural values of ethnic Thai have influenced other ethnic minorities in the region. In their course of development, especially after the national reform in 1986, ethnic Tay and Thai have played important roles in socio-economic development of the northwest and northeast regions. This article discussed changes in material culture of these two ethnic groups.

Keywords: Change; material culture; livelihood; housing; clothing; ethnic Tay; ethnic Thai.

Ngày nhận bài: 12/9/2019; Ngày sửa bài: 8/10/2019; Ngày duyệt đăng bài: 24/11/2019.

1. Mở đầu

Tày, Thái là hai trong các tộc người thiểu số ở Việt Nam, thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái, cư trú, sinh sống tập trung ở các tỉnh, thành phố của vùng Tây Bắc, Đông Bắc và Tây Thanh - Nghệ. Với lịch sử cư trú lâu đời cùng với cộng đồng các dân tộc Việt Nam, đặc biệt là các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái, người Tày và người Thái đã tạo nên một nền văn hóa đa dạng và phong phú trong một nền văn hóa quốc gia thống nhất. Vì

thế, cho đến nay đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái, trong đó có dân tộc Tày và Thái ở nhiều lĩnh vực khác

⁽¹⁾ TS. Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

Email: vjvanan2002@gmail.com.

^(**) NCS. Khoa Dân tộc học và Nhân học, Học viện Khoa học xã hội.

⁽¹⁾ Đây là kết quả nghiên cứu thuộc đề tài cấp Nhà nước: Biến đổi văn hóa của các dân tộc thiểu số - Những vấn đề đặt ra và giải pháp trong thời gian tới. Mã số CTDT11.17/16-20.

nhau như: Lã Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn (1968), Cẩm Trọng (1978); Đỗ Thúy Bình (1991), Ma Ngọc Dung (2004), La Công Ý (2010), Vi Văn An (1996, 2008, 2017); Phạm Quang Hoan (2012), Hoàng Nam, Lê Ngọc Thắng (2018);... Trong số đó phải kể đến một số lượng lớn các nghiên cứu đề cập đến đặc trưng văn hóa người Tày và người Thái. Tuy nhiên, các tác giả này chủ yếu là mô tả về đặc trưng văn hóa truyền thống của người Tày, người Thái mà chưa đề cập đến sự biến đổi văn hóa của hai tộc người này trong bối cảnh hiện tại, dưới sự tác động của các chính sách trong thời kỳ Đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Do đó, việc đánh giá và nhận diện những biến đổi nhằm đưa giải pháp gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa của người Tày và người Thái thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi nhằm đưa ra nhận diện về những biến đổi trong một số đặc trưng văn hóa vật chất bao gồm biến đổi về các loại hình sinh kế, biến đổi về nhà ở, trang phục... Cơ sở dữ liệu dựa trên kết quả điều tra và xử lý bằng phần mềm SPSS cho 432 phiếu hỏi bảng hộ gia đình cùng với 35 cuộc phỏng vấn sâu, 20 cuộc thảo luận nhóm những người am hiểu về văn hóa của dân tộc Tày và Thái tại các điểm nghiên cứu là xã Mường Chiên, Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La; xã Hồng Trị, Kim Cúc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng được thực hiện vào năm 2018, 2019. Ngoài ra, tư liệu làm cơ sở cho phân tích, đánh giá và so sánh cho bài viết còn là tổng hợp của quá trình nghiên cứu, khảo sát tại các vùng Tây Bắc, Đông Bắc và Tây Thanh - Nghệ qua nhiều năm.

2. Biến đổi về văn hóa vật chất

2.1. Nhà ở

Như chúng ta đều biết, người Tày và người Thái có tập quán ở nhà sàn, dựng bằng vật liệu gỗ, tre/vầu/mai/nứa, song, mây, lợp lá cọ, cỏ tranh. Nếu như xưa xưa, nhà sàn của họ là nhà sàn cột chôn, thì từ sau những năm 1960 trở lại đây, nhà sàn cột tròn hay cột vuông, kê trên đá tảng gần như phổ biến ở hầu hết các địa phương. Những biến đổi về nhà ở có nhận diện gồm:

Thứ nhất, ở hầu khắp các vùng người Thái, bên cạnh ngôi nhà sàn, người ta thường làm thêm một ngôi nhà ngang 3 gian, nhưng quy mô và diện tích nhỏ hơn ngôi nhà chính. Không gian mặt bằng sinh hoạt của ngôi nhà này đảm đương chức năng: đặt bếp lửa, thùng nước, chạn bát, củi đun, đồ gia dụng...

Thứ hai, từ sau khi thống nhất đất nước 1975, nhất là từ sau Đổi mới (1986) trở đi, xu thế từ ở nhà sàn chuyển xuống ở nhà đất diễn ra ở hầu hết các vùng người Tày, người Thái, đặc biệt là đối với tầng lớp cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên... cư trú ở khu vực xung quanh huyện, thị, trung tâm xã và dọc đường quốc lộ. Sự chuyển biến này cho thấy, một mặt nguồn vật liệu dựng nhà (nhất là gỗ) ngày càng khó khăn, giá cả đắt đỏ; mặt khác, loại hình gia đình phổ biến hiện nay chủ yếu là gia đình nhỏ gồm cặp vợ chồng, con cái và cha mẹ già. Rõ ràng, với quy mô gia đình nhỏ, nên ngôi nhà sàn đồ sộ (vốn thường tốn hàng chục m³ gỗ, tre...) không còn phù hợp và thực tế, cũng không thể đáp ứng về diện tích đất để dựng nhà. Số liệu điều tra của đề tài vào hai năm 2018, 2019 tại huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La cho thấy: có 102/247 người Thái trả lời nhà mới xây có thay đổi, chiếm 41,3%;

7/247 người trả lời nhà thiết kế mới hoàn toàn, trong đó chỉ có 8 người trả lời nhà ảnh hưởng nhà người Kinh.

Ở huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng có 178/185 (chiếm 96,2%) người trả lời nhà thay đổi, trong đó 72/185 người trả lời ngôi nhà làm theo kiểu nhà của người Kinh. Có 129/185 người trả lời nhà mới mái bằng, cao tầng, chiếm 69,7%.

Từ ngôi nhà đất, nhà xây cấp 4, sau khi bước vào nền kinh tế thị trường, nhờ những chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, Chính phủ, đời sống và nông thôn vùng người Tày, người Thái ngày càng thay đổi sâu rộng. Một bộ phận lớn người dân khấm khá hẳn lên. Họ vừa có cửa ăn, cửa để, vừa cất dựng được ngôi nhà sàn đồ sộ, khang trang, kiên cố. Các khu vực trung tâm huyện thị, xã hiện nay chủ yếu là các ngôi nhà xây bằng bê tông cốt thép, nhiều tầng, xen lẫn vài ngôi nhà sàn gỗ khá quy mô, hoành tráng. Khu vực trung tâm huyện còn xuất hiện các ngôi có quy mô như những biệt thự ở thành phố... Kiểu dáng của các ngôi nhà xây của người Tày, người Thái ở mỗi địa phương, vùng miền cũng có sự khác biệt. Ngoài mẫu chung (một vài tầng, một mái tum), một số nơi phổ biến nhà nhiều mái kiểu Lào, Thái Lan hay kết hợp mô hình vừa Âu vừa Á (vùng Lạng Sơn, Cao Bằng...).

Thứ ba, sự thay đổi trong bố trí mặt bằng sinh hoạt trong ngôi nhà. Theo đó, với những ngôi nhà sàn, bên cạnh bảo lưu và duy trì ở những mức độ nhất định cách bài trí truyền thống: buồng ngăn (Thái Thanh-Nghệ, Thái Trắng, Tày) hoặc buồng không có vách ngăn (Thái Đen Tây Bắc), nơi thờ ma nhà, bếp nấu... đa phần các gia đình có có tủ đứng, bàn ghế uống

nước, ti vi, quạt máy, hay nhiều nhà có thêm bếp ga, tủ lạnh, sử dụng nước máy; thậm chí có cả máy tính, kết nối internet..., nên vị trí sắp đặt các tiện nghi sinh hoạt gia đình đã có sự thay đổi đáng kể. Xu thế tận dụng gầm sàn bằng cách nổi thêm mái tôn đua rộng ra để làm nơi bán hàng, sinh hoạt... cũng phổ biến nhiều nơi. Đối với những ngôi nhà xây, nhiều tầng (nhất là nhà của cán bộ công chức, viên chức, giáo viên...) thì việc bài trí trong nhà từ vị trí ban thờ, buồng ngủ, giường, bàn ghế tiếp khách, ấm siêu tốc... cho đến quạt, ti vi, tủ lạnh, máy giặt, máy điều hòa, internet, nước máy, khu vệ sinh cũng như các phương tiện sinh hoạt khác như xe đạp, xe máy thậm chí cả xe ô tô... tất cả đều không khác cách bài trí trong các gia đình ở thị trấn hay thành phố. Số liệu điều tra 2019 tại Quỳnh Nhai, Sơn La cho thấy: chỉ có 82/247 ngôi nhà, chiếm 33,2% thay đổi về bố trí mặt bằng sinh hoạt, vì đa số gia đình sử dụng lại vật liệu ngôi nhà sàn cũ. Có 27/247 người cho rằng nguyên nhân biến đổi là do không có vật liệu để cất dựng. Trong khi đó, Số liệu điều tra tại Cao Bằng cho thấy có 70 người, chiếm 37,8% người trả lời nhà có thay đổi mặt bằng sinh hoạt, trong đó 47 người trả lời ngôi nhà thay đổi hoàn toàn, chiếm 25,4%.

2.2. Trang phục

Trang phục vốn cũng là dấu hiệu/nét đặc trưng tộc người khá rõ rệt, giúp ta có thể nhận diện và phân biệt được tộc người này với tộc người khác. Người Tày và người Thái đều có trang phục truyền thống riêng, không lẫn lộn. Xem xét về sự biến đổi trong trang phục của họ, chúng ta có thể thấy:

Về y phục

i) Có một thực tế chung là, trang phục truyền thống của người Tày và người Thái đã và đang có nguy cơ mai một. Điều này được kiểm chứng qua sự thưa vắng hình ảnh các bộ y phục truyền thống trong đời thường và cả trong lễ hội (nhất là y phục nam, y phục trẻ em), trong khi đó, các chủng loại y phục mới, hiện đại (váy ngắn, quần thun, quần bò, áo thun...) đã và đang ngày càng phổ biến, nhất là ở lớp trẻ, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Ngay cả tầng lớp thầy tào, thầy mo, thầy cúng khi hành nghề cũng chỉ có áo và mũ là theo kiểu truyền thống. Tầng lớp cán bộ người Tày và Thái thì hầu như bị “đồng hóa” hoàn toàn về mặt trang phục. Sự mai một của bộ y phục truyền thống ở người Tày và người Thái là hệ quả của quá trình biến mất dần của nghề trồng bông, dệt vải, nhuộm chàm và trồng dâu nuôi tằm, kéo kén. Đặc biệt, việc dùng áo ngực, đồ lót... của phụ nữ Tày, Thái (vốn trước kia hầu như không có) hiện nay cũng phổ biến như phụ nữ Kinh và các tộc người thiểu số khác.

Khoảng hơn mười năm gần đây, ở nhiều địa phương người Tày, người Thái (Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng; Yên Bái, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Nghệ An...) nhờ sự quan tâm của một số ngành chức năng, chính quyền địa phương, sự nỗ lực của bà con, đã xuất hiện các tổ, nhóm, hợp tác xã dệt, thêu thổ cẩm, sản xuất ra nhiều mẫu mã quần áo truyền thống và nhiều chủng loại mẫu mã sản phẩm mới phục vụ du lịch. Nghề trồng bông nuôi tằm, dệt vải nhờ đó cũng được phục hồi, duy trì và phát triển. Một số sản phẩm dệt của người Tày, Thái được khách du lịch trong và ngoài nước ưa chuộng (túi thổ cẩm, địu, mặt chăn, khăn trải bàn,

khăn quàng, tấm trang trí, ví, túi đựng điện thoại di động, rèm, gối...). Đặc biệt, học sinh là con em người dân tộc thiểu số học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, vào sáng thứ Hai hàng tuần đều mặc quần áo dân tộc để chào cờ.

ii) So với người Tày, ở một số địa phương người Thái, bộ y phục nữ truyền thống còn được bảo lưu khá hơn. Theo đó, nếu như ở người Tày, dường như chỉ còn một bộ phận người già/trung niên còn mặc hoặc còn giữ được bộ y phục: quần áo hay áo váy nhuộm chàm, thì ở người Thái, việc duy trì mặc bộ y phục truyền thống ở người già, trung niên và thanh niên vẫn còn phổ biến, nhất là các nhóm Thái ở miền Tây Thanh Hóa, Nghệ An (váy nhuộm chàm, thêu hoa văn, thắt lưng bằng guộc sợi hay dải vải; áo ngắn, màu đen hay áo cánh, đội khăn đen hay khăn xéo thêu hoa văn). Riêng người Thái vùng Tây Bắc, mặc dù nguyên liệu cắt may đã thay đổi, song bộ y phục nữ vẫn giữ được kiểu cách truyền thống (Áo cóm, ngắn, cúc đồng, dây vải bện, cúc hình con ve, con bướm và váy đen, thắt lưng bằng dây vải màu, đội khăn *piêu* hay thắt khăn vuông). Theo số liệu khảo sát ở Sơn La năm 2019 thì có 239/247 người vẫn mặc trang phục dân tộc trong đám ma, 245/247 người mặc trang phục dân tộc trong đám cưới; trong khi đó, chỉ có 8/244 người mặc trang phục dân tộc đến cơ quan... Đối với lớp trẻ, phần đông đều mặc trang phục hiện đại trong cả ngày hội, đám cưới, đám ma, nhất là khi đến cơ quan. Số liệu điều tra cho thấy: có 238/246 người mặc trang phục hiện đại vào ngày thường; có 153/244 người mặc trang phục hiện đại trong đám ma, 199/244 người mặc trang phục hiện đại trong đám cưới và 224/244 người mặc trang phục hiện đại đến cơ quan.

Ở người Tày, số liệu điều tra cho thấy: có 118/185 người mặc trang phục dân tộc trong dịp tết, còn chỉ số 5/185 người mặc trang phục dân tộc trong ngày thường. Trong đám cưới có 110/185 người mặc trang phục dân tộc; trong đám ma 64/185 người mặc trang phục dân tộc; đến cơ quan có 37 người mặc trang phục dân tộc... Số liệu điều tra cũng cho thấy, trong ngày hội, đám cưới, đám ma, nhất là khi đến cơ quan, người Tày chủ yếu mặc trang phục hiện đại là chính.

iii) Thay đổi đáng kể nhất có lẽ là về tập quán và thói quen sử dụng nguyên liệu tạo ra y phục. Theo đó, do sự mai một của nghề trồng bông, nuôi tằm, dệt vải, mà nguyên liệu vải bông nhuộm chàm truyền thống dùng để cắt may quần áo, váy áo ở nhiều nơi hầu như không còn. Thay vào đó là các loại vải màu công nghiệp (của Việt Nam, Trung Quốc - mua ở chợ) được sử dụng phổ biến để cắt may quần áo, váy. Việc sử dụng nguyên liệu sợi từ Trung Quốc, Lào, Thái Lan để dệt, thêu cũng phổ biến ở nhiều vùng người Tày, người Thái, nhất là khu vực biên giới. Loại vải nhuộm chàm hiện nay chỉ còn được sử dụng để cắt may quần áo, váy ở một số nơi như: người Tày vùng Tuyên Quang, Hà Giang (kể cả các nhóm Thu Lao, Pa Dí, Tu Dí), nhóm Tày Ngạn (Cao Bằng); vùng người Thái miền Tây hai tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An. Lý giải về sự mai một này, nhiều phụ nữ Tày, Thái nói rằng: Để có được bộ y phục truyền thống, thường phải mất rất nhiều công sức, thời gian. Từ nguyên liệu thô qua các công đoạn tách hạt, kéo thành sợi, giã lên khung, dệt thành vải đem nhuộm rồi cắt may thành quần áo, váy đòi hỏi sự kiên trì, bền bỉ... những thao tác này không còn phù hợp với

công việc của đời sống ngày nay; trong khi các loại vải dệt công nghiệp bán trên thị trường thì phong phú về chủng loại, đa dạng về màu sắc, hoa văn lại nhẹ, giá cả phải chăng..., nên từ chỗ người ta không còn mặn mà với nghề dệt. Cũng có người lại giải thích rằng, mặc y phục cổ truyền vừa nặng, dày, lại nóng không mấy người ưa chuộng nữa, nên bỏ.

Theo số liệu khảo sát, có 39/49 người được hỏi trả lời thay đổi đáng kể về bộ y phục Thái là ở chất liệu; 31/49 người trả lời thay đổi về kiểu dáng, trong khi chỉ có 17/49 người trả lời vẫn giữ kiểu dáng bộ y phục truyền thống.

iv) Do cư trú gần gũi hay xen kẽ và trong quá trình giao thoa văn hóa, mà bộ y phục của người Tày và người Thái có sự ảnh hưởng, tiếp thu các yếu tố y phục của các tộc người láng giềng. Theo đó, y phục nam nữ của người Tày đã tiếp thu, ảnh hưởng bộ y phục người Kinh từ khá lâu. Trong thực tế, trừ bộ phận người Tày ở một số địa phương vùng sâu, vùng xa, hiện nay chúng ta dường như không còn phân biệt được đâu là người Tày, đâu là người Kinh thông qua y phục, kể cả y phục nam và y phục nữ. Dấu hiệu có thể phân biệt dễ nhất so với áo của phụ nữ Kinh thể hiện qua màu sắc của chiếc áo sơ mi phụ nữ Tày phổ biến là màu Xanh sẫm. Trong khi đó, y phục nam giới người Thái cũng hầu như ảnh hưởng y phục nam giới người Kinh (trừ một số nơi như vùng Thái Trắng (Lai Châu), Quỳnh Nhai (Sơn La), vùng người Thái giáp biên giới với Lào thuộc các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An. Riêng y phục phụ nữ Thái Tây Bắc như đã đề cập vẫn giữ được kiểu truyền thống. Còn y phục phụ nữ Thái Mai Châu (Hòa Bình), các huyện vùng

thấp: Quan Hóa, Bá Thước, Lang Chánh (Thanh Hóa) thì ảnh hưởng y phục của phụ nữ Mường, còn y phục nữ Thái các huyện vùng cao tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An thì giống y phục của phụ nữ nhóm Tày Deng, tỉnh Hòa Bình, CHDCND Lào (áo đen, ngắn, váy đen có sọc, thêu hoa văn phần gấu váy, váy thêu hoa văn toàn phần theo chiều sọc đứng).

Hiện nay, trong đám cưới, nhiều nơi cô dâu, chú rể vẫn mặc bộ y phục truyền thống, nhưng cũng có khá nhiều trường hợp, cô dâu, chú rể mặc theo trang phục hiện đại (comple, cà vạt, áo váy dài), nhất là đám cưới con cái của những người công chức, viên chức, cán bộ, giáo viên tổ chức tại thị trấn, thành phố. Ngoài ra, trong các đám cưới hỗn hợp dân tộc, thì trong lễ cưới bên nhà chồng, cô dâu mặc y phục bên chồng, còn trong lễ cưới bên nhà bố mẹ đẻ, cô dâu lại mặc y phục truyền thống của dân tộc mình.

3. Biến đổi về văn hóa tinh thần

3.1. Ngôn ngữ và chữ viết

Do giao lưu và hội nhập ngày càng sâu rộng, nên trong tiếng nói của người Tày, người Thái hiện nay đã chịu ảnh hưởng đáng kể tiếng phổ thông. Trong một câu nói, thường có tới 20-30% từ ngữ bằng tiếng phổ thông, nhất là những từ về xã hội. Trong khi chữ Nôm Tày ở hầu hết các địa phương đã và đang ngày càng mai một (số người biết đọc, biết viết rất hiếm), thì chữ viết của người Thái ở các địa phương như Sơn La, Lai Châu, Yên Bái, Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An lại được nhiều nhà tri thức Thái tiếp tục mở lớp dạy học cho nhiều thành phần: trẻ, già, cán bộ. Tuy không sử dụng một bộ chữ thống nhất, song mỗi địa phương tự soạn, in sách để dạy và học bộ chữ vốn có, phù hợp

với cách phát âm và kiểu phương ngữ của địa phương mình.

3.2. Nghi lễ, tín ngưỡng, lễ hội

Việc thực hành các nghi lễ tín ngưỡng truyền thống ở phạm vi gia đình và phạm vi cộng đồng (ma bản, ma mường) ngày càng có xu hướng phổ biến, phục hồi cả về quy mô, nội dung. Việc kết hợp, lồng ghép các nghi lễ tín ngưỡng truyền thống vào các dịp lễ hội với nhiều yếu tố văn hóa mới được triển khai ở nhiều địa phương người Tày, người Thái: Lễ hội Lồng Tồng, Lễ Lầu Then, Nả Nhèm, Nàng Hai (Cao Bằng, Lạng Sơn), Hoàng Công Chất, Xên Mường Thanh, Hội Hoa ban, Gội Dấu, Xòe Thái, Hết Chá, Kin Pang Then, kin Lầu nó (vùng Tây Bắc) hay các lễ hội Tư Mã Hai Đào (Thanh Hóa), lễ hội Đền Chín Gian, Mường Choong, Đền Vạn, Pu Nhạ Thầu (Nghệ An)... Đặc biệt, các lễ hội văn hóa đồng bào các dân tộc thiểu số được tổ chức với quy mô vùng, miền theo định kỳ ở Đông Bắc, Tây Bắc cũng là điểm mới trong lễ hội Tày, Thái.

Các nghi lễ tín ngưỡng liên quan đến ruộng Lễ Kỳ yên, Lễ Giã cối, Mồng 5/5, Tết Xíp xíp (14/7), cúng ma bản hay nghi lễ gia đình: Cúng gia tiên, Rằm tháng Sáu, Thanh Minh, mừng Thọ... vùng người Tày được duy trì phổ biến nhiều nơi. Bên cạnh đó, lễ cúng ma nhà, Lễ buộc cổ tay, cơm mới, *Xăng Khan/Chá chiêng*, lễ mừng thọ, lễ giải hạn, cúng vía bên ngoài... vùng người Thái cũng được duy trì ở hầu khắp vùng người Thái. Trong khi đó, một số nghi lễ truyền thống ở phạm vi dòng họ (giỗ tổ họ) có xu thế lu mờ dần hay lễ cúng bến nước, cúng mương phai của người Thái cũng hầu như không được duy trì. Đặc biệt, một số nghi lễ gia đình như cúng bà mẹ, nhận con nuôi, tập quán xem bói...

ở người Thái hay lễ kết đồng niên, cúng Đình làng ở vùng người Tày gần như mất hẳn. Do nhiều năm qua, nhà nước cấm phát nương làm rẫy, nên các nghi lễ nông nghiệp liên quan đến nương rẫy ở vùng người Thái đã và đang bị lãng quên, bởi không có cơ sở thực hành.

Một sự biến đổi khác trong các lễ hội hiện nay là phần nghi lễ ngày càng được đơn giản hoá, không còn cúng tế kéo dài nhiều ngày, gây tốn kém về tiền bạc, của cải vật chất và ảnh hưởng đến sản xuất như trước đây. Trong lễ hội, phần lễ đã có xu hướng giảm xuống, còn phần hội lại có xu hướng tăng lên và đóng vai trò chủ đạo trong lễ hội. Nhiều trò diễn dân gian như ném còn, khắc luống, bắn nỏ, đẩy gậy, hát dao duyên, thi ẩm thực, thi người đẹp cùng với các hoạt động thể thao (bóng chuyền, bóng đá, cầu lông), văn nghệ... thực sự là phần chủ đạo trong lễ hội, do vậy nó đã thu hút được đông đảo mọi tầng lớp tham gia. Có một điển chung nữa trong các nghi lễ, tín ngưỡng nêu trên của người Tày, người Thái là: phần lớn các nghi lễ, tín ngưỡng ở phạm vi gia đình đều thể hiện xu thế thay đổi theo hướng giảm bớt về lễ vật, nghi thức, nội dung và thời gian.

Ngoài ảnh hưởng Nho Giáo, Khổng Giáo ở người Tày, nhiều năm qua, Đạo Tin Lành xâm nhập vào một số dân tộc thiểu số vùng miền núi phía Bắc, nhất là vùng người Hmông, Dao. Tuy nhiên, hầu hết người Tày và người Thái không theo đạo này (trừ một bộ phận người Thái Điện Biên thời kỳ đầu có tham gia). Số liệu điều tra ở người Thái và người Tày 2019 cho thấy: có 246/257 người Thái, chiếm 99,6% và 182/185 người Tày, chiếm 98,4% trả lời vẫn thực hành tín ngưỡng truyền thống dân tộc.

3.3. Sinh đẻ, cưới xin, tang ma

Một trong những thay đổi dễ nhận thấy trong lĩnh vực sinh đẻ của người Tày, Thái là thay đổi trong quan niệm sinh con. Theo đó, có thể thấy, tập quán sinh nhiều con (số con) đã giảm hẳn, nhất là những gia đình vợ chồng cán bộ, giáo viên ở địa phương. Quan niệm phải có con trai cũng không quá nặng nề như trước đây, cần nói thêm là, do nhận thức của bà con trong việc áp dụng các tiến bộ của y học, nên vai trò của y học trong việc chăm sóc sức khỏe, bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh cho người dân từng bước được nâng cao hơn. Việc tuyên truyền sức khỏe sinh sản bằng nhiều hình thức và phương pháp khác nhau, thông qua các phương tiện truyền thông đã làm thay đổi nhận thức của người dân đối với vấn đề sử dụng dịch vụ y tế và đến khám bệnh, sinh đẻ tại cơ sở y tế của huyện, tỉnh. Nhiều phụ nữ đã tham gia sử dụng các biện pháp tránh thai như đặt vòng, dùng bao cao su, nam giới thì thắt ống dẫn tinh... nhờ vậy đã góp phần vào sự thành công của công tác kế hoạch hóa gia đình ở địa phương. Việc chăm sóc và nuôi dạy con cái cũng từng bước nâng cao. Ngoài được học hành, ăn uống đủ dinh dưỡng, quần áo đầy đủ, trẻ em được tiêm chủng, tiêm vắc xin phòng dịch hay khi ốm đau được đưa đi chữa trị tại bệnh viện. Bên cạnh đó, việc kết hợp cúng ma trừ tà, uống thuốc tân dược và thăm khám tại bệnh viện cũng được duy trì ở một số địa phương.

Hiện nay, tục lệ cưới xin của người Tày, người Thái một mặt vừa bảo lưu những yếu tố truyền thống; mặt khác lại có sự tiếp thu, ảnh hưởng các yếu tố văn hóa và nếp sống mới. Các yếu tố văn hoá truyền thống và yếu tố văn hoá mới được kết hợp với nhau một cách hài hoà, tự giác. Một

trong nét biến đổi đáng kể trong lễ cưới là sự giảm bớt số lần dạm hỏi cũng như số lượng lễ vật phải nộp cho nhà gái trước khi làm lễ cưới lần một. Ở người Thái, nếu như trước kia, nhà trai phải tiến hành từ 3-4 lần dạm hỏi, kèm theo nhiều nghi lễ phức tạp trước, trong và sau khi cưới chính thức, bên cạnh đó, số lượng và chủng loại các lễ vật cũng tăng sau mỗi lần dạm hỏi và gần như bắt buộc. Hiện nay, người ta có thể thoả thuận với nhau chỉ đi dạm hỏi 1 hoặc 2 lần là được. Số lượng và chủng loại lễ vật cũng được bỏ đi khá nhiều so với trước. Các nghi thức trong đám cưới cũng giảm thiểu đáng kể hoặc được đơn giản hoá rất nhiều cả lễ cưới bên nhà gái cũng như lễ cưới bên nhà trai.

Sự biến đổi mang tính phổ biến trong đám cưới của người Tày, người Thái hiện nay còn phải kể tới việc tiếp thu, ảnh hưởng của các yếu tố văn hoá hiện đại: trang phục của cô dâu và chú rể (váy đầm, comple); việc phổ cập và sử dụng các loại nhạc cụ hiện đại thay cho các loại nhạc cụ truyền thống như khèn, sáo; nhạc sống thay cho các làn điệu dân ca (*khắp*), hát quan làng và sự có mặt phổ biến của các món ăn mới. Theo đó, bên cạnh váy, áo, chăn, đệm, gối, chậu, phích nước, bát đĩa... của hồi môn của cô dâu khi về nhà chồng cũng được thay thế, bổ sung thêm một số thứ mới như đồng hồ, nhẫn vàng, vỏ chăn, đệm mút, giường, tủ, ti vi, quạt... Ngoài ra, còn phải kể đến các yếu tố văn hóa mới khác như thiệp mời thay cho mời miệng; nội dung và tính chất của tập quán tương trợ trong đám cưới trước đây không còn thể hiện đúng như ý nghĩa của nó. Việc mừng cưới giờ đây không còn là bát gạo, chai rượu, con gà... mà hoàn toàn được thay thế bằng tiền mặt hoặc bằng quà tặng cụ thể.

Thay vì sự tương trợ, giờ đây các dịch vụ chụp ảnh, thuê ô tô, dàn nhạc sống, bát đĩa, mâm, bàn ghế, phong màn, đồ ăn, thức uống... cũng đang ngày càng phổ cập.

Một thay đổi nữa có thể thấy trong đám cưới của người Tày, người Thái hiện nay là do đời sống của người dân ngày càng được cải thiện, nên quy mô tổ chức đám cưới có xu hướng hoành tráng hơn, số lượng khách mời ngày càng nhiều hơn. Trong một đám cưới, khách mời thường từ vài trăm đến năm sáu trăm người.

Về cơ bản, sự thay đổi trong tang ma của người Tày, người Thái thể hiện ở chỗ: xu hướng rút ngắn về thời gian tổ chức. Nếu như trước kia, đám tang thường kéo dài 3 ngày, 3 đêm, thì ngày nay chỉ gói gọn trong vòng 1 ngày đêm. Nhiều nơi, bà con thực hiện khá tốt quy định của Nhà nước: không để thi hài quá 48 tiếng đồng hồ. Các nghi thức, nghi lễ rườm rà, phức tạp trong tang ma cũng được giản lược bớt, hoặc vẫn tiến hành theo trình tự các bước, nhưng thời gian được rút ngắn. Ở người Thái, lễ tiễn hồn người chết trước kia thường kéo dài 3 ngày đêm, nhưng nay cũng chỉ gọn trong 1 đêm. Tùy theo điều kiện và thể lực của từng gia đình, dòng họ, mà trong tang ma, người ta có thể mổ bò hay chỉ mổ lợn, gà. Nhiều kiêng cử của họ hàng, con cháu trong tang ma cũng không còn cầu kỳ về cách thức, thời gian như trước đây. Các tập quán pháp như con trai phải ăn trong máng, ăn đứng, chỉ ăn cơm với muối... cũng được bãi bỏ. Ở một số nơi, người ta cũng bỏ dần tục con trai đội mũ gai, đai chuối, chống gậy. Đối với đám tang của thành phần cán bộ, viên chức ngoài nghi lễ truyền thống, còn có thêm thủ tục đọc diếu văn, đặt di ảnh trước quan tài, mặc niệm.

Hơn mười năm trở lại đây, người Thái và người Tày ở nhiều nơi học theo người Kinh: phổ biến tục bốc mộ, tảo mộ, xây mộ, dựng bia, tôn tạo khu nghĩa địa riêng của dòng họ. Vì thế, trước kia rừng ma của họ thường có nhiều cây cổ thụ, quanh năm âm u, tĩnh mịch, thì hiện nay, trước dịp Tết Nguyên đán hàng năm, nghĩa địa của làng được phát quang, dẫy cỏ, các ngôi mộ được tôn cao, mộ xây gạch thì được quét vôi trắng. Riêng trong tang ma của người Tày, có nơi người ta mời đội kèn trống đến phục vụ. Một số nơi như Thạch An (Cao Bằng), Tràng Định (Lạng Sơn), Na Hang (Tuyên Quang), Thái Nguyên, các nghi thức trong đám tang cũng gần giống phong tục tang ma của người Kinh.

4. Kết luận

Như vậy, người Tày và người Thái vốn sở hữu kho tàng văn hóa vật thể và phi vật thể phong phú. Trải qua các giai đoạn lịch sử phát triển của lịch sử khác nhau, văn hóa của họ cũng đã và đang biến đổi sâu sắc. Bên cạnh các yếu tố văn hóa truyền thống đã và đang có xu thế mai một, nhìn chung văn hóa của người Tày, người Thái đã và đang có sự biến đổi, trong đó vừa tiếp thu, ảnh hưởng các yếu tố mới; vừa bảo lưu, duy trì các yếu tố văn hóa truyền thống.

Sự biến đổi văn hóa trong bối cảnh giao lưu, hội nhập khu vực và toàn cầu hóa sẽ diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Vì thế, trong dòng chảy tự nhiên của đời sống, dù không có sự can thiệp của công nghiệp hóa - hiện đại hóa và cả tác động của cuộc cách mạng 4.0, thì các đặc trưng văn hóa của họ vẫn cứ biến đổi, vì văn hóa không phải là phạm trù đứng im mà nó luôn vận động. Những hằng số văn hóa là những đại

lượng không đổi, song các thành tố văn hóa thì luôn biến đổi. Theo đó, vấn đề đặt ra đối với văn hóa Tày, Thái hiện nay là: sự biến đổi của văn hóa của họ diễn ra như thế nào; người ta từ bỏ di sản nào và giữ lại những giá trị gì, trước hết phải do họ - chủ thể văn hóa là những người quyết định. Cụ thể là, những gì họ "vứt bỏ" và những gì họ "tiếp nhận" đều phù hợp với quy luật của cuộc sống, của sự giao thoa văn hóa tồn tại phổ biến ở khắp mọi nơi trên thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vi Văn An (2017), *Người Thái ở miền tây Nghệ An*, Nxb. Thế giới, H.

2. Ma Ngọc Dung (2004), *Nhà sàn truyền thống của người Tày ở Đông Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, H.

5. Trần Hồng Hạnh và cộng sự (2008), *Những biến đổi về về văn hóa phi vật thể của người Tày ở huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn*, Đề tài cấp viện, Viện Dân tộc học, H.

6. Phạm Quang Hoan (Chủ biên, 2012), *Văn hóa các tộc người vùng lòng hồ và vùng tái định cư thủy điện Sơn La*, Nxb. Khoa học xã hội, H.

7. Lã Văn Lô, Đặng Nghiêem Vạn (1968), *Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, H.

8. Cẩm Trọng, "Quan hệ dòng họ trong các bản người Thái ở vùng Tây Bắc", *Tạp chí Dân tộc học*, số 1/1977.

11. Viện Dân tộc học (1992), *Các dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, H.

12. La Công Ý (2010), *Đến với người Tày và văn hóa Tày*, Nxb. Khoa học xã hội, H.